

Bản án số: 42/2024/HS-ST

Ngày: 29-01-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Minh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thủy và bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Huyền, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Cẩm, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 325/2023/TLST-HS ngày 26/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2023/QĐXXST-HS ngày 13/12/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T, sinh ngày: 09/7/1992 tại tỉnh TH; nơi thường trú: Xuân U, thị trấn TP, huyện Q, tỉnh TH; nơi ở hiện nay: Số 30 đường NB, phường A, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Ông Nguyễn Xuân K, sinh năm 1947; mẹ: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1961; vợ: Chị Trương Thị Phương N, sinh năm 1997; con: có 01 con sinh năm 2021.

*** Về nhân thân:** Từ nhỏ sinh sống và lớn lên tại Xuân U, thị trấn TP, huyện Q, tỉnh TH. Bị cáo học hết lớp 12 thì nghỉ học ở nhà; sau đó vào thành phố Huế lao động tự do, lập gia đình, sinh sống tại địa phương cho đến ngày phạm tội.

Ngày 31/7/2023, bị Công an thành phố Huế xử phạt hành chính số tiền 6.500.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích” (Nộp phạt ngày 07/8/2023).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/6/2023 đến ngày 13/7/2023, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” cho đến nay. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Lê Thị Thái M, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 14B/290 đường Đ, phường Tr, thành phố H, tỉnh T. Có mặt.

- Chị Trương Thị Phương N, sinh năm 1997; địa chỉ: Số 30 đường NB, phường A, thành phố H, tỉnh T. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 01 năm 2023 đến đầu tháng 3 năm 2023, Nguyễn Đức T đã cho người khác vay tiền không cần thế chấp, thời hạn vay ngắn, thủ tục đơn giản, với lãi suất cao để thu lợi bất chính. T sử dụng số điện thoại 0933705*** và tài khoản số 55110001***** tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) để liên lạc cho vay và thu tiền góp. Quá trình điều tra, xác định Nguyễn Đức T đã cho chị Lê Thị Thái M (sinh năm 1984; trú tại: Số 14B, kiết 290 Đ, phường T, thành phố H, tỉnh T) vay 03 (ba) lần như sau:

Lần 1: Vào khoảng cuối tháng 01 năm 2023, chị M vay của T số tiền 50.000.000 đồng, trả góp cả gốc và lãi trong 25 ngày, mỗi ngày 3.000.000 đồng, phí làm hồ sơ chị M phải trả trước là 5.000.000 đồng, T thu tiền góp của ngày đầu tiên và ngày cuối cùng với số tiền 6.000.000 đồng, thực tế chị M đã nhận của T 45.000.000 đồng. Khoản vay này, chị M đã thanh toán đủ tổng số tiền là 75.000.000 đồng, lãi suất trong mức pháp luật cho phép (20%/năm) là 684.925 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 24.315.075, số tiền T thu lợi bất chính là 29.315.075 đồng.

Lần 2: Vào khoảng tháng 02 năm 2023, chị M vay của T số tiền 100.000.000 đồng, trả góp cả gốc và lãi trong 25 ngày, mỗi ngày 6.000.000 đồng, phí làm hồ sơ chị M phải trả trước là 10.000.000 đồng, T thu tiền góp của ngày đầu tiên, ngày thứ hai và ngày cuối cùng với số tiền 18.000.000 đồng, T chuyển khoản cho chị M số tiền 71.500.000 đồng, còn thiếu 500.000 đồng T trừ vào ngày thu góp tiếp theo. Khoản vay này, chị M đã thanh toán đủ tổng số tiền là 150.000.000 đồng, lãi suất trong mức pháp luật cho phép (20%/năm) là 1.369.875 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 48.630.125 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 58.630.125 đồng.

Lần 3: Vào đầu tháng 3 năm 2023, chị M vay của T số tiền 150.000.000 đồng, trả góp cả gốc và lãi trong 25 ngày, mỗi ngày 9.000.000 đồng, phí làm hồ sơ chị M phải trả trước là 7.500.000 đồng, T thu tiền góp của ngày đầu tiên và ngày cuối cùng với số tiền 18.000.000 đồng, T chuyển khoản và đưa tiền mặt cho chị M tổng cộng là 124.500.000 đồng. Khoản vay này, chị M đã thanh toán được 05 ngày, với số tiền là 45.000.000 đồng, lãi suất trong mức pháp luật cho phép (20%) là 410.960 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 14.589.040 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 22.089.040 đồng. Như vậy, Nguyễn Đức T đã cho chị Lê Thị Thái M vay 03 lần, tổng cộng 300.000.000 đồng, mức

lãi suất cho vay là 730%/năm, gấp 36,5 lần mức lãi suất mà Bộ luật Dân sự quy định (20%/năm), Nguyễn Đức T thu lợi bất chính tổng số tiền là: (29.315.075 đồng + 58.630.125 đồng + 22.089.040 đồng) = 110.034.240 đồng (Một trăm mười triệu không trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi đồng). Toàn bộ số tiền thu lợi bất chính được Nguyễn Đức T sử dụng vào việc cho vay lần sau và chi phí sinh hoạt, tiêu xài cá nhân

** Vật chứng thu giữ gồm:*

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, có số imei: 356107162***** kèm số sim 093370*****.

** Về trách nhiệm dân sự:* Chị Lê Thị Thái M yêu cầu Nguyễn Đức T phải trả lại cho mình số tiền thu lợi bất chính, Nguyễn Đức T chưa trả.

Tại bản cáo trạng số 342/CT-VKSTPH ngày 25 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 200.000.000 đồng đến 220.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, có số imei: 3561071624***** kèm số sim 0933705***, đã qua sử dụng thu của Nguyễn Đức T.

+ Truy thu từ bị cáo Nguyễn Đức T tổng số tiền 182.460.760 đồng, trong đó tiền gốc là 180.000.000 đồng và tiền lãi suất 20%/năm là 2.460.760 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Truy thu số tiền gốc 120.000.000 đồng bị cáo cho chị Lê Thị Thái M vay để sung quỹ nhà nước.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải hoàn trả lại số tiền thu lợi bất chính 107.568.440 đồng cho chị Lê Thị Thái M.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 01/2023 đến đầu tháng 3/2023, tại thành phố Huế, Nguyễn Đức T đã cho chị Lê Thị Thái M vay 03 lần với tổng số tiền 300 triệu đồng theo mức lãi suất cho vay là 730%/năm, cao gấp 36,5 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền Nguyễn Đức T thu được, bao gồm: Tiền gốc thu về (tức là tiền gốc do người vay góp cho T) là 195.000.000 đồng; Tiền lãi mức 20%/năm là 2.465.760 đồng; Tiền lãi vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 87.534.200 đồng; Tiền phí làm hồ sơ là 22.500.000 đồng. Tổng cộng Nguyễn Đức T thu lợi bất chính số tiền 110.034.240 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế đã truy tố Nguyễn Đức T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo, thấy rằng: Nguyễn Đức T có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi cho vay lãi nặng quá quy định của Nhà nước là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi nên dẫn đến phạm tội. Bị cáo phạm vào tội ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm chế độ quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Do đó, cần xử lý nghiêm để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Bị cáo Nguyễn Đức T bị xử phạt hành chính số tiền 6.500.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích” vào ngày 31/7/2023 đối với người liên quan trong vụ án này nên chịu 01 tiền sự. Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ phân tích, đánh giá trên xét thấy cần xử phạt bị cáo bằng một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của bị cáo để giáo dục, răn đe, phòng ngừa. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế đề nghị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền là có căn cứ pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Về biện pháp tư pháp:

- Bị cáo Nguyễn Đức T đã sử dụng số tiền 300.000.000 đồng cho chị Lê Thị Thái M vay, đây là số tiền dùng vào việc phạm tội nên cần truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước. Trong đó:

Bị cáo thu về số tiền gốc 195.000.000 đồng nên cần truy thu từ bị cáo số tiền này.

Số tiền gốc 105.000.000 đồng còn lại người vay chưa góp đủ cho bị cáo nên truy thu từ chị Lê Thị Thái M số tiền này.

- Đối với số tiền lãi trong hạn mức 20%/năm mà bị cáo T đã thu từ 3 giao dịch là 2.465.760 đồng là tiền lãi phát sinh từ số tiền gốc cho vay là phương tiện phạm tội nên cần truy thu từ bị cáo Nguyễn Đức T để sung quỹ nhà nước.

- Đối với khoản tiền lãi vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 87.534.200 đồng và khoản tiền phí làm hồ sơ 22.500.000 đồng (Tổng cộng 02 khoản là 110.034.240 đồng): Đây là số tiền Nguyễn Đức T thu lợi bất chính của người vay nên buộc bị cáo trả lại cho chị Lê Thị Thái M.

[4] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, có số imei: 356107162**** kèm số sim 093370*****, đã qua sử dụng, bị cáo dùng để giao dịch cho vay lãi nặng nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi và các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự nên đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt Nguyễn Đức T 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, có số imei: 35610716243**** kèm số sim 0933705***, đã qua sử dụng thu của Nguyễn Đức T theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/10/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế và Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Huế.

- Truy thu từ bị cáo Nguyễn Đức T số tiền 195.000.000 đồng và tiền lãi suất 20%/năm là 2.465.760 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Truy thu từ chị Lê Thị Thái M số tiền 105.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải hoàn trả lại số tiền thu lợi bất chính 110.034.240 đồng cho chị Lê Thị Thái M.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở tư pháp tỉnh TT Huế;
- Phòng PV 06 CA tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- CA thành phố Huế;
- Chi cục THADS, THAHS thành phố Huế;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tôn Minh Hiền